

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Các: Cảng vụ hàng hải, Chi cục hàng hải;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Công

PHỤ LỤC I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT
ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc sửa đổi thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.002763	Chấp thuận đặt tên tàu biển	Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam
2	1.002687	Đăng ký tàu biển không thời hạn	Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam
3	1.002674	Đăng ký tàu biển có thời hạn	Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục

					Hàng hải Việt Nam
4	1.002645	Đăng ký tàu biển tạm thời	Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam
5	1.002656	Cấp Giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam	Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Hàng hải	Cơ quan đại diện của Việt Nam nơi mua tàu hoặc nơi bàn giao tàu
6	1.0022578	Đăng ký tàu biển đang đóng	Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam
7	1.002550	Đăng ký tàu biển loại nhỏ	Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam
8	1.002582	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực

					hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam
9	1.002508	Xóa đăng ký	Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam
10	1.000274	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020	Hàng hải	Cục Hàng hải Việt Nam, Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam

PHỤ LỤC II
NỘI DUNG TTHC TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI
CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT
ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Chấp thuận đặt tên tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đặt tên tàu biển (hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam;

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển trả lời chủ tàu bằng văn bản về việc chấp thuận tên tàu biển do chủ tàu lựa chọn; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức thích hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai chấp thuận đặt tên tàu biển theo mẫu;

- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương về quyền sở hữu đối với tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu, bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp đặt tên tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) thay Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận tên tàu biển.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ khai chấp thuận đặt tên.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Tàu biển Việt Nam phải được đặt tên và theo nguyên tắc sau đây:

- Tên tàu biển do chủ tàu đặt nhưng không được trùng với tên tàu biển đã đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam;

- Không sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để làm toàn bộ hoặc một phần tên của tàu biển, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó;

- Không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

11. Căn cứ pháp lý:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

Mẫu: Tờ khai chấp thuận đặt tên tàu biển
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Kính gửi:(1).....

To:

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tàu):

Owner (Name, address and ratio of ownership)

Đề nghị đặt tên là:

To request the name

cho ...(2) với các thông số thiết kế dưới đây:

..... *with the following designed particulars*

Hồ hiệu/Số IMO: Dung tích thực dụng:.....

Call sign/IMO number

Net tonnage

Loại tàu:(3)..... Tổng dung tích:

Type of ship

Gross tonnage

Chiều dài lớn nhất: Trọng tải toàn phần:

Length over all

Dead weight

Chiều rộng: Ngày đặt ky:

Breadth

Date of the keel laid

Mớn nước: Nơi đóng:

Draft

Place of building

Công suất máy chính:

M.E. power

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

2. Đăng ký tàu biển không thời hạn

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tàu biển (hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) không thời hạn đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thực thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB (bản chính) đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới (bản chính);

- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp tàu biển là đối tượng

không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) thay Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí:

+ Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.

Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển;
- Giấy chứng nhận đăng ký.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;
- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;
- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền.

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần.

d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... <i>name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:
Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):
Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký;
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

CERTIFICATE OF REGISTRY

.....(1).... Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:
Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:
Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:.....
Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:
Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:
Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:
Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:
M.E. power Classification Agency

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

..... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngàytháng .. năm ...
is sailing under Vietnamese flag from

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (*tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu*):
... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền
Date of registration Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký (2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu
The ship Registration ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
office Type of transport facility registration/registry (ship, public
service ship, submarine, submersible, floating production
storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện (4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Name of transport facility Type of ship (in case of ship registration/registry)

3. Đăng ký tàu biển có thời hạn

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tàu biển ((hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) có thời hạn đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam;

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thực thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê mua tàu hoặc thuê tàu trần, hồ sơ bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký (nếu tàu biển đó đăng ký ở nước ngoài) hoặc xóa đăng ký tàu biển (bản chính);

+ Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Biên bản bàn giao tàu (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu biên bản bàn giao viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

- Đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài, hồ sơ bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký (nếu tàu biển đó đăng ký ở nước ngoài) hoặc xóa đăng ký tàu biển (bản chính);

+ Hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Biên bản bàn giao tàu (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu biên bản bàn giao viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) hoặc hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

- Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) thay Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển có thời hạn: Thời hạn đăng ký của tàu biển được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký tàu biển tương ứng với thời hạn của hợp đồng thuê mua tàu hoặc hợp đồng thuê tàu trần hoặc theo đề nghị của chủ tàu. Trường hợp tàu biển có Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký thì thời hạn đăng ký của tàu biển không được dài hơn thời hạn ghi trong Giấy tạm ngừng đăng ký.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 30% của mức thu đăng ký không thời hạn
- Mức thu đăng ký không thời hạn:
 - + Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.
- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký;
- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển có thời hạn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;
- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;
- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền.

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần.

d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời

điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- - Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... <i>name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng: <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:
Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):
Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(*sign, full name and stamp*)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký;

The ship Registration office

3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, publicservice ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển có thời hạn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN

CERTIFICATE OF PERIODICAL REGISTRY

..... (1) Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký có thời hạn mang cờ quốc tịch Việt Nam trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... *Hereby certify that the ship with the following particulars has been periodically registered into the Viet Nam national ships registration book and sailing under Vietnamese flag:*

Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng:..... <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

.... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

is sailing under Vietnamese flag fromto.....

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (*tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu*):

is owed by the (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: <i>Number of registration</i>	Cấp tại , ngày tháng năm <i>Issued at , on</i>
Ngày đăng ký: <i>Date of registration official</i>	Tên, chữ ký người có thẩm quyền <i>Full name, signature of duly authorized</i>

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

4. Đăng ký tàu biển tạm thời

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tàu biển (hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) tạm thời đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Trường hợp chưa nộp phí, lệ phí, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB (bản chính) đã qua sử dụng hoặc biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với tàu biển được đóng mới (bản chính);

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao

kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển, Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có của tàu (bản sao).

- Trường hợp chưa có giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển, Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có của tàu (bản sao).

- Trường hợp thử tàu đóng mới, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

+ Bản số liệu dung tích của tàu.

- Trường hợp nhận tàu đóng mới để đưa về nơi đăng ký trên cơ sở hợp đồng đóng tàu, hồ sơ đăng ký bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

+ Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương để chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

+ Giấy chứng nhận dung tích tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

+ Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

- Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) thay Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam.

a) Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam có giá trị sử dụng trong 180 ngày kể từ ngày cấp;

b) Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam hết hiệu lực khi tàu biển chưa thể về Việt Nam để hoàn thành thủ tục đăng ký chính thức theo quy định tại Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ, cơ quan đăng ký tàu biển nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam gia hạn đăng ký một lần nhưng thời gian gia hạn không quá 180 ngày, kể từ ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam được cấp lần đầu;

c) Trường hợp sau khi gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu biển Việt Nam quy định tại mục b nói trên mà tàu biển vẫn chưa thể về Việt Nam để hoàn thành thủ tục đăng ký chính thức vì lý do bất khả kháng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định gia hạn thời gian đăng ký tàu biển tạm thời nhưng thời gian gia hạn không quá 180 ngày.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 30% của mức thu đăng ký không thời hạn
- Mức thu đăng ký không thời hạn:
 - + Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.
- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển.
- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;
- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;
- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền;

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần;

d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hô hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration

office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu

ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating production storage and

offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI

CERTIFICATE OF PROVISIONAL REGISTRATION

..... (1) Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký tạm thời vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... *Hereby certify that the ship with the following particulars has been provisionally registered into the Viet Nam national ships registration book:*

Tên(3).....	Trọng tải toàn phần:
<i>Name</i>	<i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO:	Tổng dung tích:
<i>Call sign/IMO number</i>	<i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4).....	Dung tích thực dụng:.....
<i>Type of ship</i>	<i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất:	Năm đóng:
<i>Length over all</i>	<i>Year of building</i>
Chiều rộng:	Nơi đóng:
<i>Breadth</i>	<i>Place of building</i>
Mớn nước:	Nơi đăng ký:
<i>Draft</i>	<i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính:	Tổ chức đăng kiểm:
<i>M.E. power</i>	<i>Classification Agency</i>

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

.... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

.....*is sailing under Vietnamese flag fromto.....*

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):

.....

is owed by the (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại, ngày tháng năm

Number of registration

Issued at, on

Ngày đăng ký:

Date of registration

Tên, chữ ký người có thẩm quyền

Full name, signature of duly authorized

official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

5. Cấp Giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam cho tàu biển (hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) đến một trong các Cơ quan đại diện của Việt Nam nơi mua tàu hoặc nơi bàn giao tàu.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đại diện của Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;
- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đại diện của Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;
- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đại diện của Việt Nam cấp Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp tàu biển đã qua sử dụng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Biên bản nghiệm thu bàn giao tàu đối với trường hợp nhận tàu đóng mới ở nước ngoài để đưa tàu về Việt Nam (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản sao có chứng thực kèm bản chính để đối chiếu);
- Giấy chứng nhận dung tích tàu biển hiện có (bản sao có chứng thực);
- Giấy chứng nhận phân cấp tàu biển hiện có (bản sao có chứng thực);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Trường hợp đăng ký tàu công vụ thì nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);
- Trường hợp chủ tàu là cá nhân phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

- Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) thay Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện của Việt Nam;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đại diện của Việt Nam;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam.

- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam chỉ có hiệu lực cho 01 hành trình cụ thể của tàu biển đó và chỉ có giá trị sử dụng từ khi được cấp cho đến khi tàu biển về đến cảng biển đầu tiên của Việt Nam.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển;

- Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;

- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;

- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi.

b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền;

c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần;

d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ

quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Món nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration

office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu

ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public service

ship, submarine, submersible, floating production storage and

offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP TẠM THỜI MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

PROVISIONAL PERMISSON OF FLYING VIETNAMESE FLAG

.....(1)...Chúng nhận(2)... có các thông số dưới đây được phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam:

..... *Hereby certify that the ship with the following particulars has been provisionalpermitted of flying Vietnamese flag:*

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:.....

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

NỘI DUNG CẤP PHÉP

PERMISSION OF

TẠM THỜI MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Provisional permission of flying Vietnamese flag

.....(2) & (3) được phép tạm thời mang cờ quốc tịch Việt Nam kể từ ngày cấp đến khi tàu về đến cảng biển Việt Nam đầu tiên.

..... *is permitted of sailing under Vietnamese flag from the date of issuance to the date of her arrival at the first Vietnamese sea port.*

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, ratio of ownership).

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng

năm

Number of registration

Issued at,

on

Ngày đăng ký:

Tên, chữ ký người có thẩm quyền

Date of registration

Full name, signature of duly authorized

official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, publicservice ship, submarine, submarsible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

6. Đăng ký tàu biển đang đóng

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) đang đóng đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

- Hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc hợp đồng mua bán tàu biển đang đóng (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

- Giấy xác nhận tàu đã đặt sống chính của cơ sở đóng tàu có xác nhận của tổ chức đăng kiểm (bản chính); trường hợp tàu không có sống chính thì sử dụng giấy xác nhận của cơ sở đóng tàu, đồng thời có xác nhận của tổ chức đăng kiểm giám sát về việc đã lắp ráp thân vỏ tàu đạt 50 tấn khối lượng hoặc 1% khối lượng toàn bộ ước tính của số vật liệu sử dụng làm thân vỏ tàu (bản chính);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp chủ tàu là cá nhân còn phải nộp giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản

chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

- * Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) thay Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng (Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng không có giá trị thay thế Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển).

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 30% của mức thu đăng ký không thời hạn.

- Mức thu đăng ký không thời hạn:

+ Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT lần.

- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển;

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Không có.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration

office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công

vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public

service ship, submarine, submersible, floating production

storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN ĐANG ĐÓNG

CERTIFICATE OF REGISTRY UNDER CONSTRUCTION

.....(1) Chứng nhận(2)..... đang đóng có các thông số thiết kế dưới đây đã được đăng ký trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... *Hereby certify that (2) under construction with the following designed particulars has been registered into the Viet Nam National Ships Registration Book:*

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:.....

Type of ship Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power Classification Agency

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BIỂN (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (*tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu*):

is owed by the shipowner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm

Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền

Date of registration Full name, signature of duly authorized

official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký (**(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động**)
The ship Registration office Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện (**(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)**)
Name of transport facility Type of ship (in case of ship registration/registry)

7. Đăng ký tàu biển loại nhỏ

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký tàu biển (hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) loại nhỏ đến Cơ quan đăng ký tàu biển.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

+ Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thực thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai đăng ký tàu biển theo mẫu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu biển hoặc Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện thủy nội địa cấp VR-SB (bản chính) đã qua sử dụng hoặc biên bản bàn giao tàu đối với tàu biển đóng mới (bản chính);

- Hợp đồng mua, bán tàu biển hoặc hợp đồng đóng mới tàu biển hoặc các bằng chứng khác có giá trị pháp lý tương đương chứng minh quyền sở hữu đối với tàu biển (bản chính, kèm bản dịch công chứng nếu hợp đồng viết bằng ngôn ngữ nước ngoài);

- Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ theo quy định, gồm Tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế và chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước (bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp tàu biển là đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ thì nộp tờ khai lệ phí trước bạ có xác nhận của cơ quan thuế (bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là

tổ chức nước ngoài thì nộp giấy phép thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Trường hợp chủ tàu là cá nhân phải nộp thêm giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); trường hợp chủ tàu là cá nhân người nước ngoài thì nộp hộ chiếu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tàu biển (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

- Trường hợp đăng ký tàu biển công vụ, chủ tàu nộp Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) thay Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển loại nhỏ.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu biển trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký tàu biển;

- Giấy chứng nhận đăng ký.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đăng ký tàu biển loại nhỏ là việc đăng ký tàu biển có động cơ với công suất máy chính dưới 75 kW hoặc tàu biển không có động cơ nhưng có tổng dung tích dưới 50 hoặc có tổng trọng tải dưới 100 tấn hoặc có chiều dài đường nước thiết kế dưới 20 mét và đáp ứng điều kiện sau:

a) Tuổi của tàu biển, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động mang cờ quốc tịch nước ngoài đã qua sử dụng đăng ký lần đầu tại Việt Nam được thực hiện theo quy định sau:

- Tàu khách, tàu ngầm, tàu lặn: Không quá 10 năm;
- Các loại tàu biển khác, kho chứa nổi, giàn di động: Không quá 15 năm;
- Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định nhưng không quá 20 năm và chỉ áp dụng đối với các loại tàu: Chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở dầu hoặc kho chứa nổi;
- b) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng đối với tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài, thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được bán đấu giá tại Việt Nam theo quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Giới hạn về tuổi tàu biển quy định tại mục a không áp dụng trong trường hợp tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam và thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam đã xóa đăng ký quốc tịch Việt Nam để đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài theo hình thức cho thuê tàu trần;
- d) Tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài do tổ chức, cá nhân Việt Nam mua theo phương thức vay mua hoặc thuê mua thì sau thời hạn đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài được đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng vay mua, thuê mua có tuổi tàu phù hợp với quy định tại mục a.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR REGISTRATION

Kính gửi:(1).....

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số dưới đây:

Kindly register the ship with the following particulars:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name *Dead weight*

Hô hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number *Gross tonnage*

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:.....

Type of ship *Net tonnage*

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all *Year of building*

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth *Place of building*

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft *Place of registry*

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power *Classification Agency*

Nội dung đăng ký: - Đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam

Registration for flying Vietnamese flag

- Đăng ký quyền sở hữu

Registration for ownership

Hình thức đăng ký:

Kind of registration

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

The ship Registration

office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công

vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động

Type of transport facility registration/registry (ship, public

service ship, submarine, submersible, floating production

storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)

Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

CERTIFICATE OF REGISTRY

.....(1).... Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... *Hereby certify that* *with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:*

Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng:..... <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

..... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngàytháng .. năm ...
is sailing under Vietnamese flag from

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):
... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền
Date of registration Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

8. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) đến cơ quan đăng ký tàu biển nơi tàu biển đã đăng ký.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu biển và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; đồng thời, gửi văn bản thông báo việc cấp lại cho bên nhận thế chấp trong trường hợp tàu đang thế chấp; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- Trường hợp cấp lại: giấy chứng nhận đăng ký tàu biển bị mất, bị rách nát, hư hỏng.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu biển theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đối với trường hợp bị rách nát, hư hỏng; trường hợp tàu đang hoạt động trên biển hoặc đang ở nước ngoài thì có thể sử dụng bản sao giấy chứng nhận đăng ký nhưng chủ tàu phải cam kết và nộp bản gốc trong vòng 30 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký mới được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 10% của mức thu đăng ký không thời hạn.

- Mức thu đăng ký không thời hạn:

+ Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần
(mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;

+ Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT-lần.

- Chủ tàu nộp lệ phí cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu biển trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản; đồng thời thông báo việc cấp lại cho bên nhận thế chấp trong trường hợp tàu đang thế chấp.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;

- Giấy chứng nhận đăng ký.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ APPLICATION FOR RE-ISSUEING CERTIFICATE OF REGISTRY

Kính gửi:(1)

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):

Owner (Name, address and ratio of ownership)

Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cho(2) có các thông số dưới đây:

Kindly re-issue the certificate for the ship with the following particulars

Tên(3).....

Name

Hồ hiệu/Số IMO:

Call sign/IMO number

Số Giấy chứng nhận đăng ký: ; Ngày đăng ký:

Number of registration

Date of registration

Lý do đề nghị cấp lại:

Reason of re-issueing

Tài liệu liên quan kèm theo (nếu có):

Relevance documents attachment (if any)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration
office

**(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công
vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động**
Type of transport facility registration/registry (ship, public
service ship, submarine, submersible, floating production
storage and offloading; mobile offshore drilling unit

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

CERTIFICATE OF REGISTRY

.....(1).... Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... *Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:*

Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng:..... <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

..... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngàytháng .. năm ...
is sailing under Vietnamese flag from

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):
... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền
Date of registration Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

9. Xóa đăng ký

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị xóa đăng ký tàu biển (hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) đến cơ quan đăng ký tàu biển nơi tàu biển đã được đăng ký trước đây.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thực thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai xóa đăng ký theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký (bản chính); trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;

- Trường hợp tàu biển đang được thế chấp thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của người nhận thế chấp và phải thực hiện thủ tục xóa đăng ký thế chấp trước khi tiến hành thủ tục xóa đăng ký tàu biển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

8. Phí, lệ phí

Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai xóa đăng ký;
- Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

a) Tàu biển Việt Nam được xóa đăng ký tại Việt Nam trong các trường hợp sau:

- Bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm mà không thể trục vớt được;
- Mất tích;
- Không còn đủ điều kiện để được mang cờ quốc tịch Việt Nam;
- Không còn tính năng tàu biển;
- Theo đề nghị của chủ tàu hoặc người đứng tên đăng ký tàu biển.

b) Trong các trường hợp tàu biển không còn tính năng tàu biển và theo đề nghị của chủ tàu hoặc người đứng tên đăng ký tàu biển, tàu biển đang thế chấp chỉ được xóa đăng ký tàu biển Việt Nam, nếu người nhận thế chấp tàu biển đó chấp thuận;

c) Khi xóa đăng ký tàu biển hoặc xóa đăng ký tàu biển đang đóng, Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đang đóng và cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký;

d) Chủ tàu phải thực hiện thủ tục xóa đăng ký tàu biển trong thời hạn quy định đối với một số trường hợp sau:

- Chậm nhất trong vòng 60 ngày kể từ khi tàu biển không còn tính năng tàu biển; bị phá hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm mà không trục vớt được;
- Chậm nhất trong vòng 24 tháng kể từ khi tàu biển bị mất tích;
- Chậm nhất trong vòng 30 ngày kể từ khi chủ tàu không còn trụ sở, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

đ) Tàu biển Việt Nam đăng ký tạm thời không được xóa đăng ký nếu chưa nộp phí, lệ phí theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;

- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

Mẫu Tờ khai xóa đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ

APPLICATION FOR DEREGISTRATION

Kính gửi:(1)

Đề nghị xóa đăng ký(2)... với các thông số dưới đây kể từ ngày ... tháng ... năm

.....
Kindly deregister the with the following particulars from date

Tên(3)..... Hô hiệu/số IMO:
Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):
Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):
Applicant (name, address)

Nơi đăng ký:
Place of registry

Số đăng ký: ; Ngày đăng ký:
Number of registration Date of registration

Cơ quan đăng ký:
The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký
Reasons to deregister

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

Mẫu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM HOẶC BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH
VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI TỖN THẤT Ô NHIỄM DẦU NHIÊN LIỆU**

**APPLICATION FOR ISSUING CERTIFICATE OF INSURANCE OR OTHER
FINANCIAL SECURITY IN RESPECT OF CIVIL LIABILITY FOR BUNKER OIL
POLLUTION DAMAGE**

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký tàu biển)

To: (Name of the Register of Ship)

Tên chủ tàu

Name of shipowner:

Địa chỉ :

(Address)

Tên người khai thác tàu (nếu có) :

Name of Operator (if any):

Địa chỉ (Address):

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với
tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu theo quy định của Công ước Bunker 2001 cho tàu dưới đây:

Kindly request to issue certificate of insurance or other financial security in respect of civil
liability for bunker oil pollution damage in accordance with the requirements of the
International Convention on Civil Liability for Bunker Oil Pollution Damage, 2001 for the
following ship:

Tên tàu:

Name of Ship

Quốc tịch:.....

Flag State of Ship

Hồ hiệu/Số IMO:.....

Call sign/IMO Number

Cảng đăng ký:.....

Port of Registry

Loại tàu:.....

Type of Ship

Tổng dung tích:.....

Gross Tonnage

Tên và địa chỉ của các công ty bảo hiểm và/hoặc (những) người bảo lãnh:

Name and Address of the Insurer(s) and/ or Guarantor(s)

Tên (Name):

Địa chỉ (Address):

Tên (Name):

Địa chỉ (Address):.....

Loại hình bảo đảm:.....

Type of Security

Thời hạn bảo đảm:

Duration of Security:

Tên và địa chỉ của tổ chức tái bảo hiểm:

Name and Address of the Re- insurance Organization

Loại hình tái bảo hiểm:

Type of Re-insurance

Thời hạn tái bảo hiểm:

Duration of Re-insurance:

.....Ngàytháng năm ...

.....Date.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

APPLICANT

Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu

(signature, full name and seal)

10. Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển

1. Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ TTHC

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển (hoặc tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi và giàn di động) đến Cơ quan đăng ký tàu biển đã được đăng ký trước đây hoặc cơ quan đăng ký tàu biển mới trong trường hợp thay đổi cơ quan đăng ký.

- Cơ quan đăng ký tàu biển gồm:

+ Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện chức năng của cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam.

+ Các Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ đăng ký tàu biển theo phân cấp của Cục Hàng hải Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC

Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ, thực hiện theo quy trình sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn ngay cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì vào sổ theo dõi, cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả đúng thời gian quy định;

- Trường hợp nhận hồ sơ qua đường bưu chính, nếu hồ sơ không hợp lệ, chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam và trả trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính; trường hợp không cấp giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện

Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

- Tờ khai đề nghị đăng ký nội dung thay đổi theo mẫu;

- Thành phần hồ sơ tương ứng với nội dung đề nghị thay đổi;

- Bản chính giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đã cấp hoặc bản chính giấy chứng nhận xoá đăng ký trong trường hợp chuyển cơ quan đăng ký; trường hợp tàu đang hoạt động trên biển hoặc đang ở nước ngoài thì có thể sử dụng bản sao nhưng chủ tàu phải cam kết và nộp bản gốc trong vòng 30 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký mới được cấp;

- Nếu tàu biển đang được thế chấp thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người nhận thế chấp tàu biển đó.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4. Thời hạn giải quyết

Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan đăng ký tàu biển;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả của việc thực hiện TTHC

Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.

8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí: 5% của mức thu đăng ký không thời hạn
- Mức thu đăng ký không thời hạn:
 - + Đối với tàu có tổng dung tích đăng ký dưới 500 GT là 3.000 đồng/GT-lần (mức thu tối thiểu không dưới 300.000 đồng);
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 500 đến dưới 1.600 GT là 2.500 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 1.600 đến dưới 3.000 GT là 2.000 đồng/GT-lần;
 - + Đối với tàu có dung tích đăng ký từ 3.000 GT trở lên là 1.500 đồng/GT-lần.
- Chủ tàu nộp lệ phí đăng ký tàu trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận kết quả; chịu toàn bộ chi phí gửi hồ sơ, văn bản và các chi phí liên quan đến chuyển khoản.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Tờ khai đăng ký nội dung thay đổi;
- Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Tàu biển đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam nhưng có sự thay đổi về tên tàu, tên chủ tàu, địa chỉ chủ tàu, thông số kỹ thuật, công dụng của tàu, cơ quan đăng ký tàu biển, tổ chức đăng kiểm tàu biển;
- Chậm nhất sau 30 ngày kể từ khi có sự thay đổi, chủ tàu phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi.

11. Căn cứ pháp lý

- Nghị định 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển;
- Thông tư 189/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong hoạt động chuyên ngành hàng hải.

Mẫu Tờ khai đề nghị đăng ký thay đổi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI
APPLICATION FOR CHANGING REGISTRATION

Kính gửi:(1)

Đề nghị đăng ký(2)..... với các thông số và thay đổi dưới đây:

Kindly register change of the ship with the following particulars:

Tên(3)..... Trọng tải toàn phần:

Name

Dead weight

Hồ hiệu/Số IMO: Tổng dung tích:

Call sign/IMO number

Gross tonnage

Loại tàu:(4)..... Dung tích thực dụng:

Type of ship

Net tonnage

Chiều dài lớn nhất: Năm đóng:

Length over all

Year of building

Chiều rộng: Nơi đóng:

Breadth

Place of building

Mớn nước: Nơi đăng ký:

Draft

Place of registry

Tổng công suất máy chính: Tổ chức đăng kiểm:

M.E. power

Classification Agency

Nội dung thay đổi:

Change in

Lý do thay đổi:

Reasons to change

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, fax, tỉ lệ sở hữu):

Owner (name, address, fax, ratio of ownership)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Date

CHỦ SỞ HỮU

Owner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký;
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

CERTIFICATE OF REGISTRY

.....(1).... Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam:

..... *Hereby certify that with the following particulars has been registered into the Viet Nam national ships registration book:*

Tên(3)..... <i>Name</i>	Trọng tải toàn phần: <i>Dead weight</i>
Hồ hiệu/Số IMO: <i>Call sign/IMO number</i>	Tổng dung tích: <i>Gross tonnage</i>
Loại tàu:(4)..... <i>Type of ship</i>	Dung tích thực dụng:..... <i>Net tonnage</i>
Chiều dài lớn nhất: <i>Length over all</i>	Năm đóng: <i>Year of building</i>
Chiều rộng: <i>Breadth</i>	Nơi đóng: <i>Place of building</i>
Mớn nước: <i>Draft</i>	Nơi đăng ký: <i>Place of registry</i>
Tổng công suất máy chính: <i>M.E. power</i>	Tổ chức đăng kiểm: <i>Classification Agency</i>

NỘI DUNG ĐĂNG KÝ

CONTENT OF REGISTRATION

A. ĐĂNG KÝ MANG CỜ QUỐC TỊCH VIỆT NAM (*Registration for being Vietnamese flagged ship*)

..... (2) & (3)..... được phép mang cờ quốc tịch Việt Nam từ ngàytháng .. năm ...
is sailing under Vietnamese flag from

B. ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU (*Registration for ownership*)

..... (2) & (3)..... thuộc sở hữu của (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu):
... is owed by the owner (name, address, ratio of ownership)

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

Ngày đăng ký: Tên, chữ ký người có thẩm quyền
Date of registration Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký
The ship Registration office

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu biển, tàu biển công vụ; tàu ngầm, tàu lặn; kho chứa nổi; giàn di động
Type of transport facility registration/registry (ship, public service ship, submarine, submersible, floating production storage and offloading; mobile offshore drilling unit)

(3) Tên phương tiện
Name of transport facility

(4) Loại tàu biển (trong trường hợp đăng ký tàu biển)
Type of ship (in case of ship registration/registry)